

Tỷ giá USD/VND



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Trong tuần qua, lãi suất bình quân liên ngân hàng giảm 1 điểm ở kỳ hạn Qua đêm và giữ nguyên ở kỳ hạn 1 tuần. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 737 nghìn tỷ đồng, tăng 3.7% so với tuần trước. Trong đó kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch chiếm 92.2% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

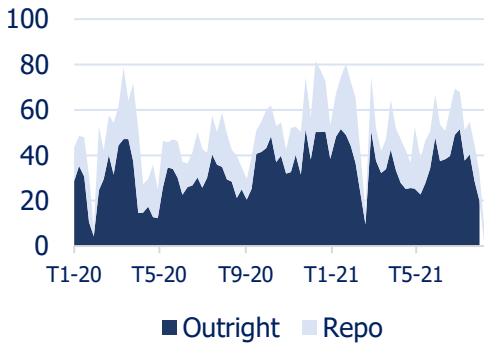
THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Trong tuần, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh theo chiều hướng tăng lên mức 23,160 VND/USD (tăng 26 VND/USD). Tỷ giá mua vào và bán ra tại Vietcombank được giữ nguyên so với tuần trước. Chỉ số USD index đóng cửa ở mức 94.04, tăng 0.76% so với tuần trước.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Trong tuần, Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 8,000 tỷ đồng trái phiếu chính phủ, tỷ lệ trúng thầu đạt 58%. Tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 68% kế hoạch năm. Lãi suất trúng thầu tăng 4 điểm ở các kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



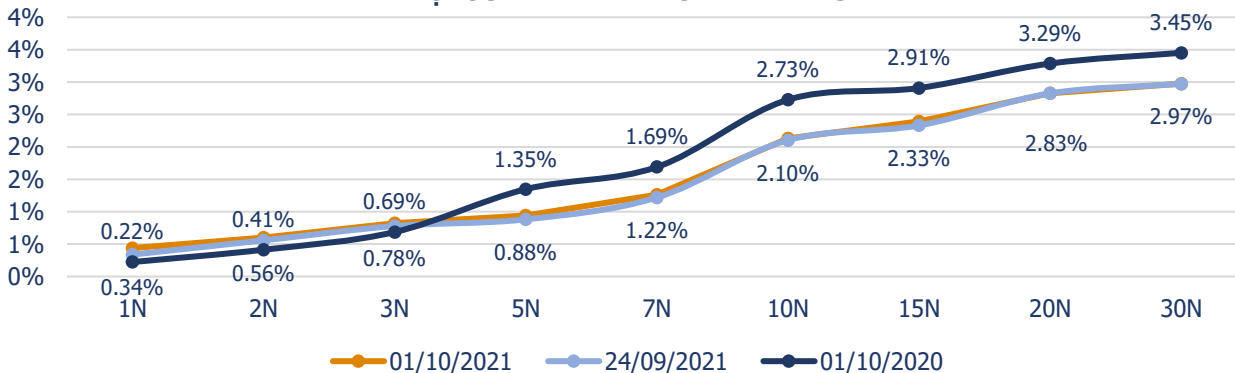
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt 73.2 nghìn tỷ đồng (tăng 1% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) tăng 3% và GTGD mua bán lại (repo) giảm 6% so với tuần trước. NĐTNN bán ròng 201 tỷ đồng TPCP. Lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng ở tất cả các kỳ hạn.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tính đến ngày 01/10/2021, có 44 đợt phát hành riêng lẻ TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành là 30,384 tỷ đồng trong tháng 9/2021. Bất động sản và Ngân hàng là 2 nhóm ngành có giá trị phát hành trái phiếu lớn nhất trong tháng 9/2021.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA



Báo cáo tuần

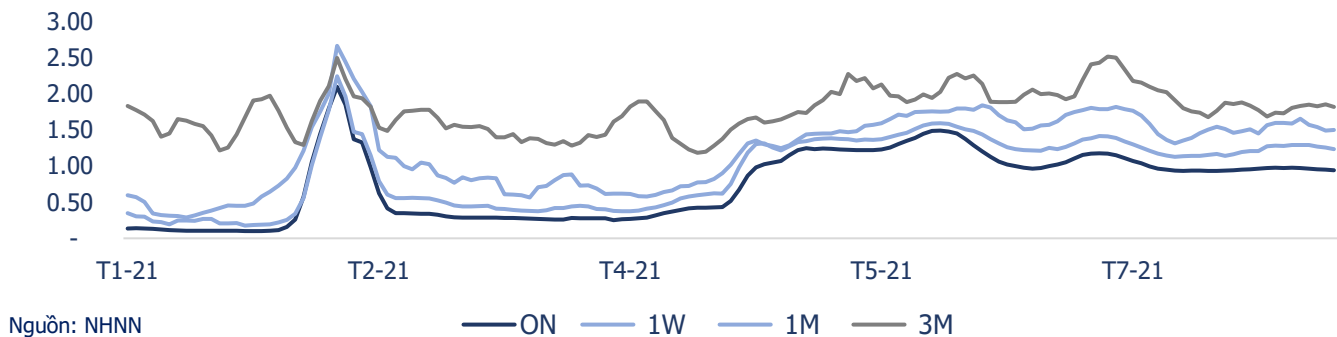
Thị trường tiền tệ

Lãi suất liên ngân hàng: Trong tuần qua, lãi suất bình quân liên ngân hàng các kỳ hạn Qua đêm, 1 tuần, 2 tuần gần như không thay đổi so với tuần trước, trong đó, lãi suất kỳ hạn qua đêm giảm 1 điểm, lãi suất kỳ hạn 1 tuần giữ nguyên và lãi suất kỳ hạn 2 tuần tăng 2 điểm lần lượt lên mức 0.67%, 0.81% và 1.05%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, lãi suất của các kỳ hạn này cao hơn 55-79 điểm. So với mức lãi suất thấp nhất của năm 2019 trước đại dịch Covid, lãi suất kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần lần lượt thấp hơn 109 và 104 điểm, lãi suất kỳ hạn qua đêm thấp hơn 83 điểm so với thời điểm cuối năm 2019.

Khối lượng giao dịch: Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 737 nghìn tỷ đồng, tăng 3.7% so với tuần trước. Trong đó kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt 609 nghìn tỷ đồng và 71 nghìn tỷ đồng. Tổng khối lượng giao dịch 2 kỳ hạn trên đạt 680 nghìn tỷ, tăng 5.7% so với tuần trước, chiếm 92.2% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

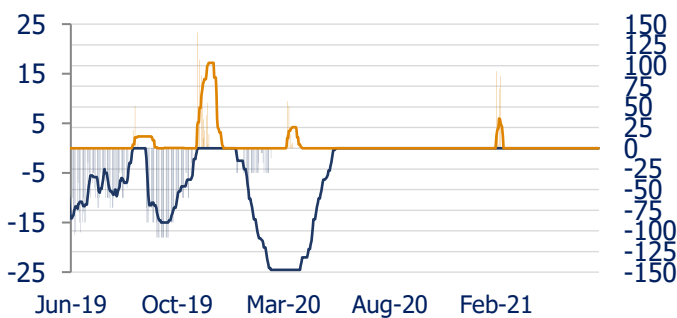
Đơn vị : %	TB 5 ngày	1/10/2021	24/9/2021	% Đổi tuần trước	% Đổi tháng trước
ON	0.67	0.66	0.68	-2	16
1W	0.81	0.78	0.83	-5	8
2W	1.05	0.89	0.90	-1	-2
1M	1.13	1.58	1.17	41	-131
3M	2.03	1.66	2.49	-83	-11
6M	2.48	2.44	3.09	-65	-74
9M	3.44	3.70	3.74	-4	-3

LS LIÊN NGÂN HÀNG BÌNH QUÂN



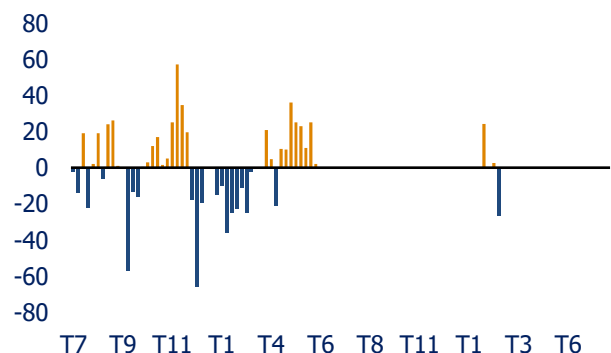
Nguồn: NHNN

TÍN PHIẾU KHO BẠC VÀ THỊ TRƯỜNG MỞ



Nguồn: NHNN

KHỐI LƯỢNG TIỀN NHNN BƠM RÒNG

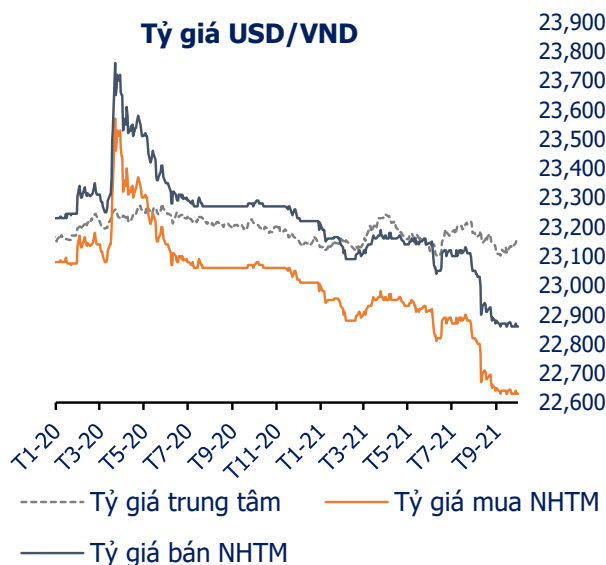


Báo cáo tuần

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá VND/USD: Trong tuần, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh theo chiều hướng tăng lên mức 23,160 VND/USD (tăng 26 VND/USD so với thứ 6 tuần trước đó). Tỷ giá mua vào và bán ra tại Vietcombank được giữ nguyên, kết thúc tuần lần lượt đạt 22,660 VND/USD (mua chuyển khoản), và 22,860 VND/USD (bán).

Thị trường ngoại tệ: Trong tuần, chỉ số USD index tăng nhẹ lên mức 94.04, mức cao nhất kể từ tháng 11/2020 đến nay, khi thị trường tiếp tục tin rằng Fed có thể thắt chặt chính sách và tăng lãi suất sớm hơn dự kiến, chỉ số USD Index tăng 0.76% so với tuần trước. Tỷ giá EUR/USD, JPY/USD, GBP/USD, đều giảm so với cuối tuần trước đó, trong đó tỷ giá EUR/USD giảm mạnh nhất (-1.02% so với tuần trước).



Nguồn: NHNN, Vietcombank

Tỷ giá trung tâm

	Tỷ giá	% Thay đổi
20/9/2021	23,132	
21/9/2021	23,134 ▲	0.009%
22/9/2021	23,132 ▼	-0.009%
23/9/2021	23,139 ▲	0.030%
24/9/2021	23,134 ▼	-0.022%
27/9/2021	23,141 ▲	0.030%
28/9/2021	23,145 ▲	0.017%
29/9/2021	23,155 ▲	0.043%
30/9/2021	23,162 ▲	0.030%
1/10/2021	23,160 ▼	-0.009%

Nguồn: NHNN

	1/10/2021	24/9/2021	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
VND/USD	0.0000439	0.0000439	0.02%	1.41%
EUR/USD	1.1594	1.1714	-1.02%	-5.34%
CNY/USD	0.1551	0.1546	0.32%	0.26%
JPY/USD	0.9002	0.9030	-0.31%	-7.16%
GBP/USD	1.3545	1.3682	-1.00%	-0.18%
USD index	94.0400	93.3300	0.76%	4.64%

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

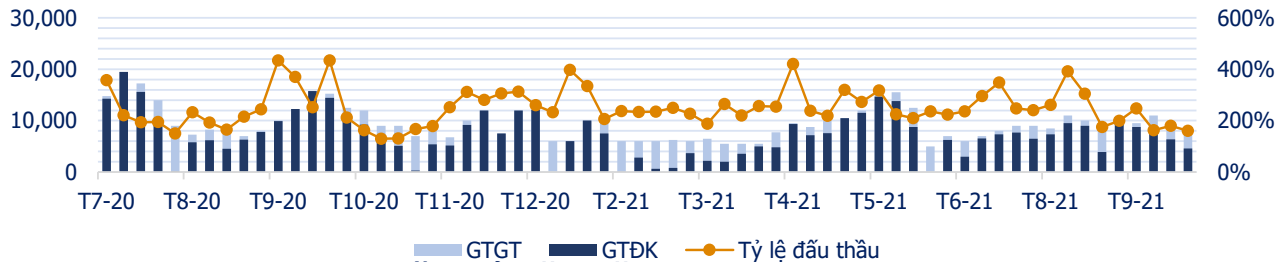
Thị trường TPCP sơ cấp

Trái phiếu chính phủ: Trong tuần, Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 8,000 tỷ đồng trái phiếu chính phủ ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ đồng), 10 năm (2,500 tỷ đồng), 15 năm (2,500 tỷ đồng), 20 năm (2,000 tỷ đồng). Khối lượng trúng thầu đạt 4,615 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ trúng thầu 58%), trong đó trái phiếu kỳ hạn 5 năm chưa được gọi thầu thành công, khối lượng trúng thầu kỳ hạn 10 năm là 1,630 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ trúng thầu 65%), 15 năm là 2,060 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ trúng thầu 82%), 20 năm là 925 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ trúng thầu 46%). Lãi suất trúng thầu 4 điểm ở cả 2 kỳ hạn 10 năm, 15 năm, và giữ nguyên ở kỳ hạn 20 năm so với lãi suất trúng thầu gần nhất. Tính đến nay, tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 68% kế hoạch năm. Cụ thể, tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị phát hành của kỳ hạn 5, 7, 10, 15, 20 và 30 năm lần lượt là 19,848 tỷ đồng (đạt 99% kế hoạch năm), 5,231 tỷ đồng (đạt 35% kế hoạch năm), 106,034 tỷ đồng (đạt 88% kế hoạch năm), 76,525 tỷ đồng (đạt 57% kế hoạch năm), 10,505 tỷ đồng (đạt 35% kế hoạch năm), 19,571 tỷ đồng (đạt 65% kế hoạch năm).

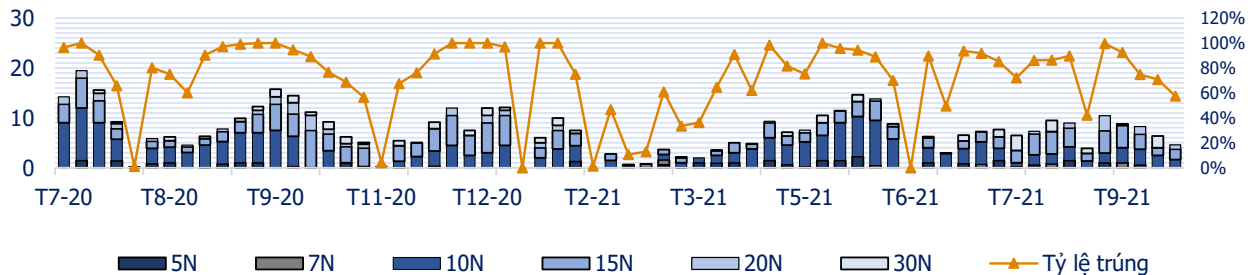
Trái phiếu chính phủ bảo lãnh: Trong tuần, không có phiên đấu thầu Trái phiếu chính phủ bảo lãnh nào được tổ chức.

Kế hoạch phát hành: Trong tuần tới, KBNN tiến hành gọi thầu 7,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ đồng), 10 năm (2,000 tỷ đồng), 15 năm (2,000 tỷ đồng) và 30 năm (2,000 tỷ đồng).

KHỐI LƯỢNG GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU 2020 - 2021

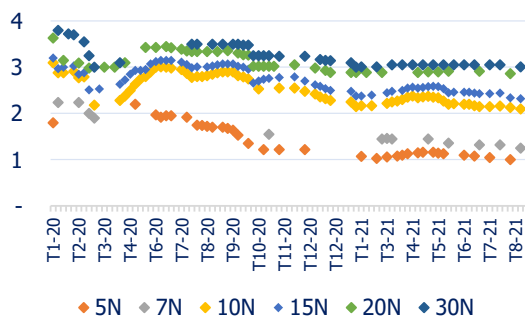


KẾT QUẢ ĐẤU THẦU TPCP 2020 - 2021



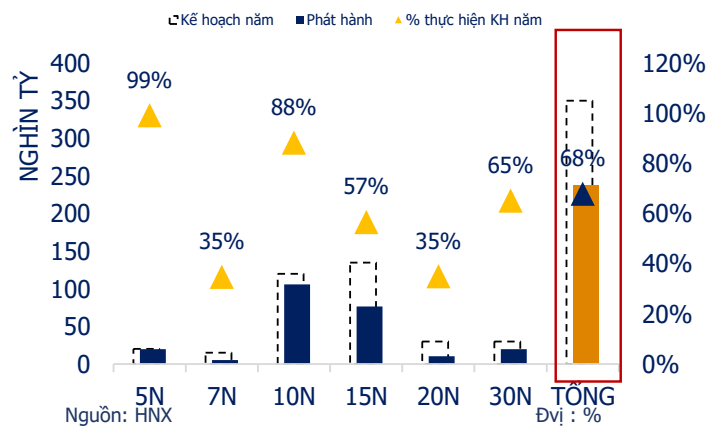
Nguồn: HNX

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT TRÚNG THẦU 2020 - 2021



Nguồn: HNX

GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH THEO KỶ HẠN



Báo cáo tuần

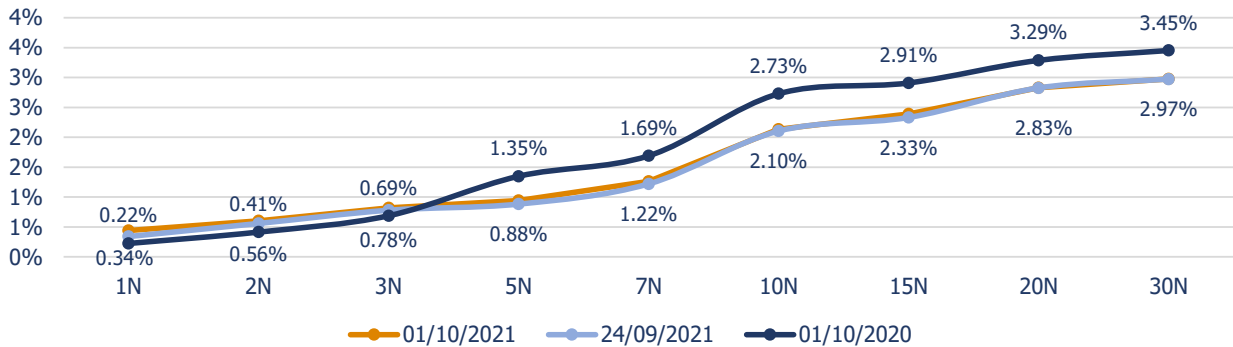
Thị trường TPCP thứ cấp

Tình hình giao dịch: Trong tuần, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt 73.2 nghìn tỷ đồng (tăng 1% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) là 56.7 nghìn tỷ đồng (tăng 3% so với tuần trước) và GTGD mua bán lại (repo) là 16.5 nghìn tỷ đồng (giảm 6% so với tuần trước).

Nhà đầu tư nước ngoài: Trong tuần nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) mua 201 tỷ đồng và bán 403 tỷ đồng TPCP. Theo đó, cả tuần NĐTNN bán ròng 201 tỷ đồng TPCP. Như vậy, tính từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 10,089 tỷ đồng TPCP.

Lợi suất trái phiếu chính phủ (theo VBMA): So với tuần trước, lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng tại tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất kỳ hạn 1 năm tăng mạnh nhất (10 điểm cơ bản), Lãi suất các kỳ hạn 2 năm - 15 năm, tăng từ 4.1 đến 5.9 điểm cơ bản, lãi suất kỳ hạn 20 năm và 30 năm chỉ tăng 0.3-0.4 điểm cơ bản.

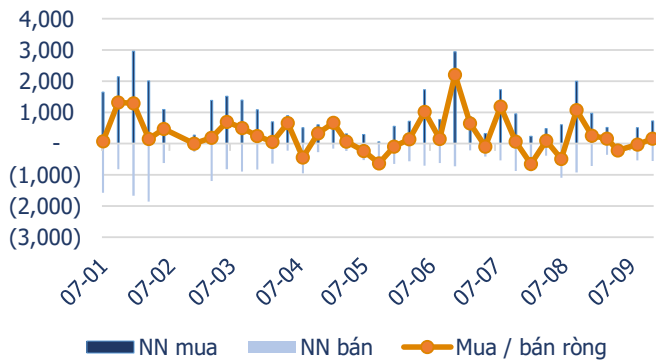
DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA



So với	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
Tuần trước	10.0	4.4	4.1	5.9	4.1	2.9	5.9	0.3	0.4
Tháng trước	12.8	5.8	12.9	10.4	6.5	6.4	11.0	0.2	0.2

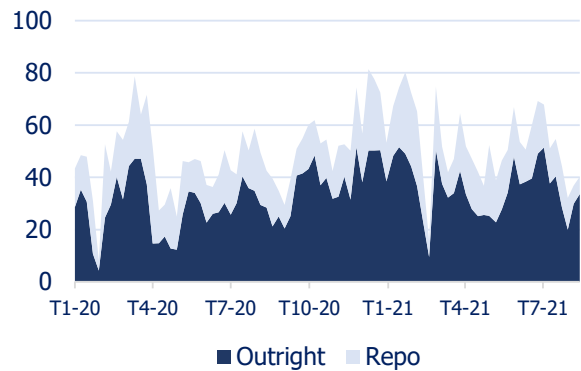
Nguồn: VBMA

GIAO DỊCH NĐT NN 2021



Nguồn: HNX

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 9/2021:

Theo dữ liệu tổng hợp của VBMA, tính đến ngày 01/10/2021, có tổng cộng 44 đợt phát hành riêng lẻ TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành là 30,384 tỷ đồng trong tháng 9/2021.

Trong tháng 9/2021, Ngân hàng và Bất động sản vẫn là hai nhóm dẫn đầu về tổng giá trị phát hành với 13,860 tỷ và 8,844 tỷ, chiếm lần lượt 45.6% và 29.1% tổng giá trị phát hành của tháng. Trong nhóm Ngân hàng, có 5,965 tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 (chiếm 43%). Lãi suất phát hành đối với kỳ hạn ngắn (2-3 năm) của các NHTM tiếp tục giảm xuống mức 2.6-2.8%/năm. Ở nhóm Bất động sản, Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Ngôi Sao Việt là doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất, với 1,900 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm, lãi suất 11.5%/năm. Vốn huy động được sử dụng để góp vốn Hợp đồng đặt cọc hợp tác kinh doanh.

Trong tuần qua, cũng có nhiều đợt phát hành trái phiếu lớn có ngày phát hành trong tháng 6/2021 đến nay mới hoàn thành và công bố thông tin đợt phát hành, như CT TNHH Phát triển BĐS Cát Liên Hoa (950 tỷ), CTCP DV Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn (900 tỷ).

Lũy kế từ đầu năm, giá trị trái phiếu phát hành bởi nhóm ngành Ngân hàng vẫn dẫn đầu, đạt mức 132.4 nghìn tỷ đồng, chiếm 36% tổng giá trị phát hành của thị trường trái phiếu doanh nghiệp với mức lãi suất dao động trong khoảng từ 2.6% - 7.9%.

(Danh sách trái phiếu chi tiết xem thêm tại Phụ lục 2)

Kế hoạch phát hành TPDN trong năm 2021

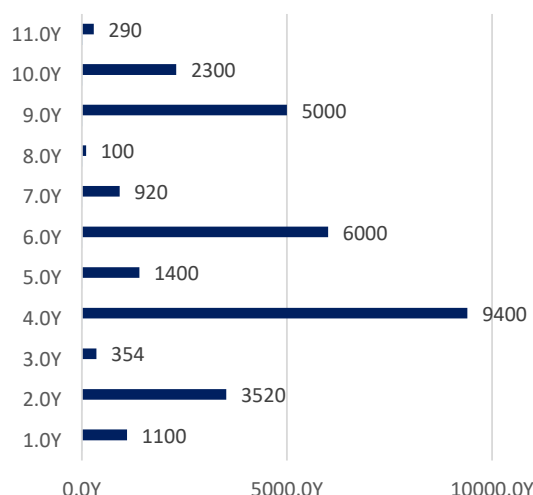
CTCP Chứng khoán VIX

Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán VIX đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ lần 2 2021 với giá trị phát hành là 200 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 8%/năm, thanh toán 12 tháng/lần.

CTCP BĐS Khải Hoàn Land

HĐQT Công ty CP BĐS Khải Hoàn Land đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 300 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, lãi suất cố định, bảo đảm bằng 42 triệu CP KHG và bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH Tập đoàn Khải Hoàn và Ông Nguyễn Khải Hoàn.

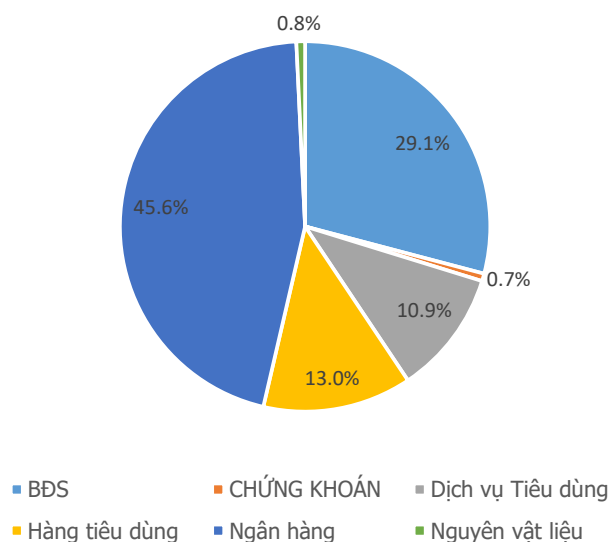
GTPH trong nước theo kỳ hạn



Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn: HNX

Giá trị phát hành theo nhóm ngành

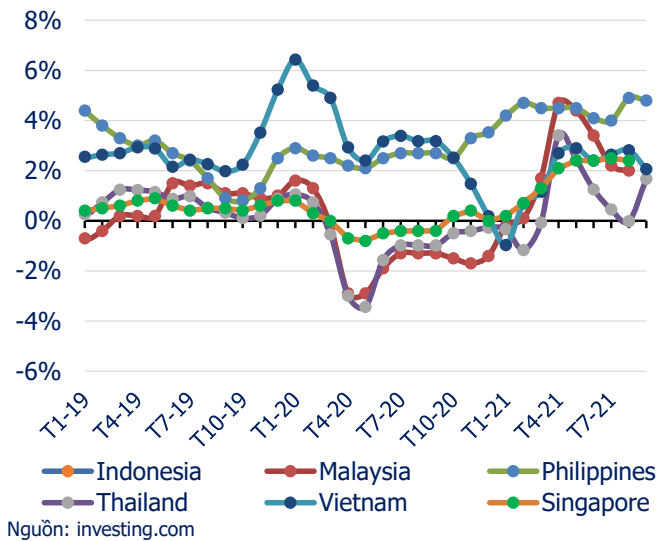


Báo cáo tuần

Tin quốc tế

Ngày	Quốc gia	Ngoại Tệ	Tác động	Sự kiện
06/10/2021	Mỹ	USD	Cao	Chỉ số hàng tồn kho dầu thô
08/10/2021	Nhật Bản	JPY	Trung bình	Tài khoản vãng lai (T8)
13/10/2021	Mỹ	USD	Cao	Chỉ số CPI lõi (Tháng 9)
14/10/2021	Trung Quốc	CNY	Trung bình	Chỉ số CPI (Tháng 9)
14/10/2021	Mỹ	USD	Cao	Chỉ số PPI (Tháng 9)
15/10/2021	Mỹ	USD	Trung bình	Hàng tồn kho bán lẻ (không gồm ô tô) (T8)

Diễn biến lạm phát các nước trong khu vực



Chỉ số lạm phát một số nước trong khu vực

Date	Việt Nam	Thái Lan	Singapore	Phillipines
T7 2020	3.39%	-0.98%	-0.40%	2.70%
T8 2020	3.18%	-0.98%	-0.40%	2.70%
T9 2020	3.18%	-0.98%	-0.40%	2.70%
T10 2020	2.52%	-0.50%	0.20%	2.50%
T11 2020	1.48%	-0.41%	0.40%	3.30%
T12 2020	0.18%	-0.27%	0.00%	3.53%
T1 2021	-0.97%	-0.34%	0.20%	4.20%
T2 2021	0.70%	-1.17%	0.70%	4.70%
T3 2021	1.16%	-0.08%	1.30%	4.50%
T4 2021	2.70%	3.41%	2.10%	4.50%
T5 2021	2.90%	2.44%	2.40%	4.50%
T6 2021	2.40%	1.25%	2.40%	4.10%
T7 2021	2.64%	0.45%	2.50%	4.00%
T8 2021	2.82%	-0.02%	2.40%	4.90%

Nguồn: Trading economics

Lợi suất bình quân của TPCP 5 năm các nước trong khu vực và các nền kinh tế lớn trên thế giới

Đvị: %	Tr. Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Phillippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T7 2020	2.71	(0.11)	2.21	2.37	0.78	0.28	1.85
T8 2020	2.84	(0.09)	2.08	2.49	0.79	0.27	1.72
T9 2020	3.00	(0.10)	2.17	2.77	0.81	0.27	1.51
T10 2020	3.07	(0.10)	2.14	2.74	0.81	0.33	1.21
T11 2020	3.12	(0.11)	2.13	2.80	0.78	0.39	1.28
T12 2020	3.08	(0.12)	2.15	2.70	0.63	0.38	1.09
T1 2021	2.96	(0.11)	2.09	2.67	0.62	0.44	1.10
T2 2021	3.06	(0.09)	2.22	2.82	0.73	0.54	1.07
T3 2021	3.06	(0.08)	2.62	3.21	0.91	0.83	1.09
T4 2021	3.00	(0.10)	2.58	3.30	0.80	0.86	1.16
T5 2021	2.91	(0.10)	2.57	3.28	0.79	0.81	1.14
T6 2021	2.96	(0.10)	2.54	3.06	0.69	0.83	1.10
T7 2021	2.80	(0.12)	2.52	2.88	0.65	0.77	1.06
T8 2021	2.69	(0.12)	2.64	2.73	0.58	0.77	0.91
T9 2021	2.69	(0.10)	2.78	2.85	0.72	0.86	0.92

LS giảm
LS tăng

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Phụ lục 1

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 27/9 - 1/10/2021)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	T đổi (bps)
1	TD2126003	KBNN	5	29/9/2021	1,000	1,550	-	-	-
2	TD2131018	KBNN	10	29/9/2021	2,500	5,380	1,630	2.12	4
3	TD2136029	KBNN	15	29/9/2021	2,500	4,310	2,060	2.35	4
4	TD2141038	KBNN	20	29/9/2021	2,000	1,575	925	2.8	0

Kế hoạch đấu thầu (tuần 4/10 - 8/10/2021)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kì hạn	Giá trị (tỷ)
1	07/10/2021	KBNN	TD2126004	Lần đầu	5	1,000
2	07/10/2021	KBNN	TD2131018	Bổ sung	10	2,000
3	07/10/2021	KBNN	TD2151043	Bổ sung	30	2,000
4	07/10/2021	KBNN	TD2136029	Bổ sung	15	2,000

Kế hoạch đấu thầu Trái phiếu Chính phủ năm 2021

STT	Kỳ hạn	Khối lượng dự kiến
1	5 năm	20.000 tỷ đồng
2	7 năm	15.000 tỷ đồng
3	10 năm	120.000 tỷ đồng
4	15 năm	135.000 tỷ đồng
5	20 năm	30.000 tỷ đồng
6	30 năm	30.000 tỷ đồng
Tổng mức phát hành		350.000 tỷ đồng

Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc	Kì hạn còn lại	LS Giao dịch
1	TD1929175	1,539	10	7.2	1.22 - 2.56
2	TD2035028	1,433	15	14.1	2.28 - 2.7
3	TD1929178	1,968	10	7.3	1.23 - 2.4001
4	TD2035025	1,613	15	13.9	2.28 - 3
5	TD1934189	3,399	15	12.3	2.39 - 3
6	TD2136027	5,917	15	15.0	2.2 - 2.43
7	TD2126003	2,674	5	4.8	0.8899 - 0.955
8	TD2131017	3,596	10	9.8	2.0374 - 2.45
9	TD2136028	5,830	15	14.8	2.28 - 3.2
10	TD2136029	2,183	15	14.9	2.28 - 3

Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 9/2021

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	LOẠI HÌNH DNP	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
CTCP THUẬN ĐỨC	Riêng lẻ	230	TDPH2124001	Nguyên vật liệu	01/09/2021	9%/NĂM	3
CT TNHH QUẢN LÝ BĐS HIGHGATE	Riêng lẻ	354	HGMCH2123001	BDS	06/09/2021	9.5%/NĂM: 2 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: LSTK 12T OCB + 3.5%/NĂM	2
CTCP Đầu tư Nam Long	Riêng lẻ	500	NLGB2124001	BDS	06/09/2021	9.5% kỳ đầu, kỳ sau = 3.28% + LS vay trái phiếu 3 tháng TCB	3
CTCP Đầu tư Nam Long	Riêng lẻ	450	NLGB2124002	BDS	06/09/2021	9.5% kỳ đầu, kỳ sau = 3.28% + LS vay trái phiếu 3 tháng TCB	3
CT TNHH ĐẦU TƯ BIG GAIN	Riêng lẻ	900	BGICH2125004	BDS	07/09/2021	11%/năm kỳ đầu tiên, kỳ tiếp theo = 4.5% + TB LS TGCN 12T (BID, CTG, VCB)	4
NHTMCP QUÂN ĐỘI	Riêng lẻ	120	MBBL2128004	Ngân hàng	10/09/2021	LS THẢ NỔI = 1,7% + TBC LSTK (AGR, VCB, BID, CTG)	7
NHTMCP ĐÔNG NAM Á	Riêng lẻ	1,000	SSBLH2124002	Ngân hàng	08/09/2021	4.1%/năm	3
NHTMCP Xăng Dầu Petrolimex	Riêng lẻ	500	PBBL2124001	Ngân hàng	10/09/2021	4.3%/năm	3
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	Riêng lẻ	40	BIDL2136028	Ngân hàng	08/09/2021	6.9%/năm, năm thứ 11 (nếu không mua lại): 7.9%/năm	15
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	Riêng lẻ	700	CTGL2129012	Ngân hàng	08/09/2021	0,9% + TB LSTK kỳ hạn 12T(AGR, BID, VCB, CTG)	8
CTCP Đầu tư và kinh doanh bất động sản Hải Phát	Riêng lẻ	400	HPLCH2124001	BDS	01/09/2021	9.5%/năm 2 kỳ đầu tiên, kỳ tiếp theo = 3,5% + LSTK 12T OCB	3
CTCP Masan Hightech Materials	Riêng lẻ	1,000	MSRB2124001	Dịch vụ Tiêu dùng	16/09/2021	9.2%/năm kỳ đầu, kỳ sau LS=3,625% + TB LSTK 12T (AGR, BID, VCB, CTG)	3
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	Riêng lẻ	3,000	BIDL2129011	Ngân hàng	10/09/2021	0,9% + TB LSTK 12T(AGR, BID, VCB, CTG)	8
NHTMCP ĐÔNG NAM Á	Riêng lẻ	700	SSBL2124003	Ngân Hàng	09/09/2021	4,1%/năm	3
NHTMCP SÀI GÒN HÀ NỘI	Riêng lẻ	1,000	SHBH2123008	Ngân hàng	15/09/2021	3,8%/năm	2
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	Riêng lẻ	600	CTGL2129014	Ngân hàng	13/09/2021	LS = TBC LSTK (CTG, BID, VCB, AGR) + 0.9%/năm. Từ năm thứ 6 (nếu không mua lại) = LSTC + 2.57%/năm (LSPH: 6.43%/năm)	8
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	Riêng lẻ	700	CTGL2129013	Ngân hàng	10/09/2021	LS = TBC LSTK (CTG, BID, VCB, AGR) + 0.9%/năm. Từ năm thứ 6 (nếu không mua lại) = LSTC + 2.57%/năm (LSPH: 6.43%/năm)	8
CTCP ĐẦU TƯ HẢI PHÁT	Riêng lẻ	300	HPXH2123006	BDS	15/09/2021	10.5%/năm	2
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Riêng lẻ	500	VPBL2124024	Ngân hàng	16/09/2021	3.9%/năm	3
NHTMCP Quốc tế Việt Nam	Riêng lẻ	40	VIBL2128015	Ngân hàng	21/09/2021	LS = TBC LSTK 12T (VCB, CTG, BID, AGR) + 2.0%/năm. Từ năm thứ 6 (nếu không mua lại) = LSTC + 3.5%/năm. LSPH: 7.5%/NĂM	7
CTCP TẬP ĐOÀN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ DOJ	Riêng lẻ	1,000	DVPCH2126003	Hàng tiêu dùng	09/09/2021	8.75%/năm: 4 Kỳ đầu, kỳ sau: = TBC LSTK 12T (CTG, VCB, BID, TPB) + 2.5% (>=8.75%/năm)	5
NHTMCP SÀI GÒN HÀ NỘI	Riêng lẻ	950	SHBH2123009	Ngân hàng	22/09/2021	3.8%/năm	2
CTCP TẬP ĐOÀN R&H	Riêng lẻ	650	RHGCH2122001	BDS	20/09/2021	N/A	1
CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRAINCO	Riêng lẻ	120	TDICH2122001	BDS	20/09/2021	12%/năm	3
CT TNHH ĐẦU TƯ BĐS NGÔI SAO VIỆT	Riêng lẻ	1,900	NVSCH2126002	BDS	20/09/2021	11.5%/năm	5
NHTMCP QUÂN ĐỘI	Riêng lẻ	245	MBBL2128005	Ngân hàng	20/09/2021	LS = TBC LSTK 12T (VCB, BID, CTG, AGR) + 1.7%/năm	7

Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 9/2021 (tiếp theo)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	LOẠI HÌNH DNPH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	Riêng lẻ	50	CTGL2136015	NGÂN HÀNG	17/9/2021	6.7%/NĂM	15
TCTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG	Riêng lẻ	1,000	DIGH2124001	BDS	16/9/2021	11%/NĂM: NĂM ĐẦU, CÁC NĂM SAU: = LSTK 12T HDBANK + 4.25%/NĂM	3
CT TNHH THÀNH PHỐ AQUA	Riêng lẻ	500	TPACH2124002	BDS	17/9/2021	10%: 4 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = LSTK 12T MBBANK + 3.5%/NĂM	3
CT TNHH THÀNH PHỐ AQUA	Riêng lẻ	500	TPACH2125001	BDS	17/9/2021	10%: 4 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = LSTK 12T MBBANK + 3.5%/NĂM	4
CTCP TOÀN HẢI VÂN	Riêng lẻ	100	THVCH2129002	BDS	16/9/2021	9.5%/NĂM: 2 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = LSTK 12T OCB + 3.5%/NĂM	7.8
CTCP DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI	Riêng lẻ	2,300	HRTCH2131001	DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	23/9/2021	9%/NĂM: NĂM ĐẦU, CÁC NĂM SAU: = TBC LSTK 12T 4NH (VIETCOMBANK, BIDV, AGRIBANK, VIETINBANK) + 3.0%/NĂM	10
CTCP PHÁT TRIỂN BDS PHÁT ĐẠT	Riêng lẻ	270	PDRH2123006	BDS	24/9/2021	13%/NĂM	2
CTCP Ô TÔ TRƯỜNG HẢI	Riêng lẻ	2,400	TCOCH2126001	HÀNG TIÊU DÙNG	20/9/2021	8%/NĂM: 02 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = LSTK 12T 4 NH (AGRIBANK, VCB, BID, CTG) + 2.3%/NĂM	5
CTCP AN PHÁT FINANCE	Riêng lẻ	50	APACH2124003	HÀNG TIÊU DÙNG	22/9/2021	8%/NĂM	3
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	Riêng lẻ	200	BIDL2136029	NGÂN HÀNG	22/9/2021	6.9%/năm, năm thứ 11 (nếu không mua lại): 7.9%/năm	15
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	Riêng lẻ	1,000	OCBL2124008	NGÂN HÀNG	28/9/2021	2.6%/NĂM	3
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	Riêng lẻ	1,000	OCBL2124007	NGÂN HÀNG	27/9/2021	2.6%/NĂM	3
CTCP ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HELIOS	Riêng lẻ	450	HISCH2124003	BDS	10/9/2021	10%/NĂM	3
CTCP TẬP ĐOÀN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ DOJ	Riêng lẻ	500	DVPCH2126004	HÀNG TIÊU DÙNG	20/9/2021	8.75%/NĂM: 4 KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = TBC LSTK 12T (CTG, VCB, BID, TPB) + 2.5% (>=8.75%/NĂM)	5
NHTMCP AN BÌNH	Riêng lẻ	1,000	ABBL2123011	NGÂN HÀNG	29/9/2021	2.8%/NĂM	2
NHTMCP QUÂN ĐỘI	Riêng lẻ	515	MBBL2128006	NGÂN HÀNG	23/9/2021	LS THẢ NỔI = TBC LSTK 12T (VCB, CTG, BID, AGR) + 1.5%. TỪ NĂM THỨ 6, KHÔNG MUA LẠI: = LSTC + 2.2%/NĂM LSPH: 7.025%/NĂM	7
CTCP SAO ĐỎ ĐÀ NẴNG	Riêng lẻ	450	SĐĐCH2122001	BDS	23/9/2021	10.5%/NĂM	1
CTCP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT	Riêng lẻ	200	TSICH2126001	CHỨNG KHOÁN	8/9/2021	8.5%/NĂM: KỶ ĐẦU, CÁC KỶ SAU: = LSTK 12T VCB + 2.5%/NĂM	5



Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <http://www.vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.